

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2023.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Sinh;

Ông Nguyễn Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 305/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1993.

Nơi thường trú: 92B Duy T, phường Nam N, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1991.

Nơi thường trú: 92B Duy T, phường Nam N, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện nay chị L đang chấp hành án tại: Đội 22, phân trại số 1, Trại giam Thanh P, Cục C10 – Bộ Công an.

Tại phiên tòa có mặt anh N, chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân S, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh

Hóa vào năm 2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng anh đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện nay chị L đang chấp hành án tại Đội 22, phân trại số 1, Trại giam Thanh P, Cục C10 – Bộ Công an.

Nay, anh N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lanh.

- Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là cháu Nguyễn Nhật A, sinh ngày 11/11/2019. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu Nhật A cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị Lanh cấp dưỡng nuôi con chung với anh vì hiện nay chị L đang phải đi chấp hành án, không có thu nhập, anh hiện nay tuy là lao động tự do nhưng có thu nhập ổn định khoảng 15.000.000 đồng/tháng. Kể từ khi vợ chồng anh sống ly thân, chị Lanh đi chấp hành án, cháu Nhật A sinh sống cùng với anh, anh vẫn nuôi dưỡng và chăm sóc cháu đầy đủ, cháu phát triển tốt về mọi mặt.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, chị Lê Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L có trình bày thống nhất với anh N về thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng. Nguyên nhân, thời điểm phát sinh mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân. Nay anh N làm đơn khởi kiện ly hôn, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung như anh N trình bày. Hiện nay chị đang phải đi chấp hành án nên không có điều kiện nuôi con và cấp dưỡng nuôi con vì vậy ly hôn chị đồng ý giao cháu Nhật A cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung với anh N.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn trước khi đi chấp hành án có nơi cư trú tại thành phố Thanh Hóa. Việc Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là chị Lê Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L.

[3] Về hôn nhân: Anh N và chị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay chị L vẫn đang chấp hành án tại Đội 22, phân trại số 1, Trại giam Thanh P, Cục C10 – Bộ Công an. Hai bên đều xác định cho đến nay tình cảm vợ chồng thực sự không còn, nay anh Nhất làm đơn khởi kiện ly hôn thì chị Lanh cũng đồng ý ly hôn. Xác minh tại địa phương cũng thể hiện trong cuộc sống vợ chồng giữa anh N và chị L có xảy ra mâu thuẫn. Như vậy có thể khẳng định cuộc sống hôn nhân giữa anh N và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, cho anh được ly hôn chị L.

[4]. Về con chung: Anh N và chị L có một con chung là cháu Nguyễn Nhật A, sinh ngày 11/11/2019. Ly hôn anh N đề nghị Tòa án giao cháu Nhật A cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Chị L cũng đồng ý giao cháu Nhật A cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung với anh N. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, chị L hiện nay đang đi chấp hành án, không có thu nhập, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày. Anh N mặc dù là lao động tự do nhưng có thu nhập, chỗ ở ổn định. Kể từ khi chị L đi chấp hành án cho đến nay, cháu Nhật A vẫn do anh N nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt cho cháu. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của anh N là

được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nhật A, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh N, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn chị Lê Thị L.

Về con chung: Anh N và chị L có một con chung là cháu Nguyễn Nhật A, sinh ngày 11/11/2019. Ly hôn giao cháu Nhật A cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị Lanh không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh Nhất.

Chị L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Anh N, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh đã nộp theo biên lai số AA/2021/0003037 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (anh N đã nộp đủ án phí).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- UBND P, Tân Sơn, TP Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Phương

